

Số: 748/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 2898/BC-HĐTD ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 185/BC-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

### I. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### II. PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH

### 1. Phạm vi quy hoạch:

Phạm vi ranh giới quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên 8.310,09 km<sup>2</sup> tại tọa độ địa lý từ 20°27' đến 22°19' vĩ Bắc và từ 106°06' đến 107°21' kinh Đông;

- Phía Đông Bắc giáp Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc;

- Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng;
- Phía Nam giáp tỉnh Bắc Giang;
- Phía Đông Nam giáp tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Tây giáp tỉnh Bắc Kạn;
- Phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Nguyên.

### 2. Thời kỳ quy hoạch:

- Thời kỳ quy hoạch: 2021-2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

## III. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

### 1. Quan điểm lập quy hoạch

- Đảm bảo phù hợp với đường lối chung của Đảng về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng liên quan đến địa bàn tỉnh.

- Đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của các địa phương; đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của Tỉnh; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Tỉnh và giữa Tỉnh với các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc và cả nước; xây dựng tỉnh phát triển nhanh và bền vững trên cả ba trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, tạo sự thống nhất trong đa dạng nền văn hóa Việt Nam; tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tái cơ cấu dân cư theo hướng tập trung để tiết kiệm chi phí hạ tầng.

- Lập quy hoạch tỉnh theo hướng tích hợp, tổng thể, bảo đảm tính thống nhất, liên kết có hệ thống giữa các đối tượng của quy hoạch. Đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, các huyện, thành phố, các vùng trên địa bàn; phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn lực của tỉnh Lạng Sơn.

- Lập quy hoạch tỉnh phải xét đến các yếu tố, đặc điểm riêng có, lợi thế, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Lạng Sơn so với các tỉnh trong vùng và cả nước.

- Đảm bảo hướng phát triển bền vững, hợp lý giữa phát triển các vấn đề về kinh tế - xã hội - môi trường - văn hóa - quốc phòng, an ninh và đối ngoại, trong đó tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; đảm bảo tính công khai, minh bạch giúp quá trình ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.

## 2. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Việc lập Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

- Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Bảo đảm tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

- Kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân.

- Thực hiện theo đúng các quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

## 3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

- Sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn để sử dụng các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững trong thời kỳ quy hoạch.

- Là công cụ để lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trên địa bàn tỉnh; là căn cứ để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển.

- Quy hoạch tỉnh sẽ đưa ra các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá của tỉnh, là căn cứ để xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, là cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xác định các chủ trương, giải pháp chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; cung cấp cho các nhà đầu tư và nhân dân

những thông tin cần thiết về tiềm năng, cơ hội đầu tư và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đồng thời loại bỏ các quy hoạch chồng chéo cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trên địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Tối ưu hóa và bảo đảm tính khả thi, bền vững trong quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng các nguồn lực phục vụ phát triển tỉnh; Hướng tới phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế - xã hội - môi trường trong tỉnh và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng và địa phương; bảo đảm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của tỉnh, vùng, huyện, thành phố và khả năng hội nhập.

- Xây dựng phương án đảm bảo vừa phát triển kinh tế, vừa gìn giữ, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới; góp phần tạo ra nhiều việc làm, ổn định sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### **IV. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH**

##### **1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch**

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

## 2. Xác định nội dung quy hoạch

a) Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Lạng Sơn

- Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Lạng Sơn về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất.
- Đánh giá thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- Đánh giá thực trạng hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng.
- Thực trạng công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
- Đánh giá tổng quát về những tồn tại, hạn chế; những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2020.

- Đánh giá các yếu tố, điều kiện bối cảnh quốc tế, quốc gia và vùng tác động đến phát triển của tỉnh.

b) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển trong thời kỳ quy hoạch

- Về quan điểm phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.
- Xây dựng các phương án phát triển và lựa chọn phương án phát triển của tỉnh.
- Mục tiêu phát triển tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.
- + Các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết.
- + Các khâu đột phá của tỉnh trong kỳ quy hoạch.
- Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác.
- Phương án phát triển đô thị, nông thôn, kết cấu hạ tầng.
- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên.
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.

c) Yêu cầu về các nội dung đề xuất: các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào quy hoạch tỉnh phải có cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn của địa phương, xuất phát từ nhu cầu phát triển, yêu cầu quản lý Nhà nước tại địa phương;

d) Yêu cầu về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược: Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **V. VỀ PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch**

Hệ thống các phương pháp lập quy hoạch phải đảm bảo tính tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, khoa học, phù hợp, thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại.

### **2. Các phương pháp lập quy hoạch**

- Tích hợp quy hoạch.

- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.

- Phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu.

- Chuyên gia, hội nghị, hội thảo.

- Tiếp cận từ thực địa.

- Nghiên cứu tại bàn.

- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

## **VI. THÀNH PHẦN, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH**

### **1. Thành phần hồ sơ:**

#### **a) Phần văn bản:**

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh Lạng Sơn.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Lạng Sơn.

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, báo cáo tóm tắt kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ.

- Các phụ lục và văn bản pháp lý liên quan.

- Các báo cáo nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lạng Sơn.

- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

#### **b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:**

- Hệ thống bản đồ in và số:
  - + Bản đồ vị trí địa lý và mối quan hệ của tỉnh trong vùng và cả nước.
  - + Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên của tỉnh.
  - + Bản đồ hiện trạng kinh tế - xã hội của tỉnh.
  - + Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn.
  - + Bản đồ hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của tỉnh.
  - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
  - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
  - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
  - + Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
  - + Bản đồ định hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
  - + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất.
  - + Bản đồ xây dựng vùng liên huyện (các hành lang kinh tế; vùng động lực kinh tế; vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn).
  - + Bản đồ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh (tài nguyên nước/tài nguyên khoáng sản).
  - + Bản đồ định hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh.
  - + Bản đồ định hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
  - + Bản đồ quy hoạch tỉnh.
  - + Bản đồ xây dựng vùng huyện.
  - + Một số bản đồ tích hợp, lĩnh vực khác.
  - + Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển các khu vực trọng điểm của tỉnh tỷ lệ 1:10.000-1:25.000.

- Các sơ đồ nghiên cứu phân tích quy hoạch.

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD).

2. Chi phí lập Quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Tiến độ lập Quy hoạch: 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh Lạng Sơn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các Phó TTg, Văn phòng TTg, Văn phòng Phó TTg, Văn phòng Bộ, Văn phòng Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Thủ tướng, Văn phòng Tổng Giám đốc TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP. 40

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**